

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 13 – 01 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Đô

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/TLST – DS, ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2022/QĐXX – ST ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Vĩnh N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 8, xã D, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/3/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đức D và người đại diện theo ủy quyền bà Nông Thị T trình bày:

Ông Nguyễn Đức D là chủ cửa hàng Dững Kiều tại ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Khoảng đầu tháng 10/2020, do ông Nguyễn Vĩnh N có nhu cầu xây dựng điện năng lượng cho gia đình tại thôn 8, xã D, huyện B, tỉnh Bình Phước nên ông N đã liên hệ với ông D để mua một lượng lớn tôn, sắt và thép.

Về phương thức mua bán, giao nhận: Khi nào cần lấy hàng thì ông N sẽ gọi điện thông báo cho ông D biết số lượng, chủng loại, ông D sẽ vận chuyển đến công trường đang thi công cho ông N. Ông N sẽ ký nhận vào hóa đơn tính tiền, nếu ông N

không có mặt thì thợ xây dựng làm cho ông N sẽ ký nhận. Ông N không thanh toán tiền ngay sau khi nhận hàng mà thỏa thuận sau khi hoàn thành xong công trình sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu cho ông D.

Trên cơ sở thỏa thuận đó nên trong tháng 10 và đầu tháng 11/2020 ông D đã nhiều lần bán tôn, sắt, thép theo yêu cầu của ông N với tổng số tiền là 503.518.000 đồng.

Đến cuối tháng 11/2020, ông N đã xây dựng hoàn thiện hệ thống điện năng lượng nên ông D liên hệ yêu cầu ông N thanh toán số tiền hàng còn nợ, nhưng ông N hứa hẹn khất nợ nhiều lần và sau đó né tránh ông D nên ông D mới khởi kiện ông N ra Tòa, buộc ông N phải trả số tiền hàng đã mua của ông D là 503.518.000 đồng và khoản tiền lãi do ông N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông D từ tháng 11/2020 cho đến ngày khởi kiện với mức lãi suất 0,83% là 62.867.911 đồng.

Sau khi ông D khởi kiện ra Tòa thì vào ngày 06/4/2022, ông N đã trả cho ông D số tiền 400.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của chị Nguyễn Thị Hòa M (con gái của ông N); tới ngày 23/5/2022, ông N tiếp tục trả số tiền 103.000.000 đồng cũng bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của chị My. Như vậy, ông N đã thanh toán cho ông D số tiền mua hàng gốc là 503.000.000 đồng. Hiện nay ông N còn nợ lại số tiền gốc là 518.000 đồng và khoản tiền lãi chậm trả từ tháng 11/2020 cho đến ngày khởi kiện là 62.867.911 đồng nên ông D yêu cầu ông N phải trả cho ông D số tiền còn lại theo quy định. Ngoài ra, phía ông N không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh N trình bày:

Ông N xác nhận trong khoảng thời gian từ tháng 10 và đầu tháng 11/2020 ông N có mua vật liệu xây dựng của ông D với số tiền còn thiếu là 503.518.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông N chưa trả được cho ông D. Nay ông D khởi kiện yêu cầu trả nợ số tiền này và tiền lãi chậm trả là 62.867.911 đồng thì ông N đồng ý trả. Quá trình Tòa án giải quyết ông N đã trả được cho ông D số tiền mua hàng gốc là 503.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại, ông N xin được trả dần trong thời hạn 02 tháng vì hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn, chưa thu xếp trả cho ông D ngay được.

Tại phiên tòa: Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh N vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 503.000.000 đồng ông N đã trả; đồng thời đồng ý cho ông D trả dần số tiền gốc còn lại là 518.000 đồng và khoản tiền lãi do ông N chậm trả từ tháng 11/2020 cho đến ngày khởi kiện là 62.867.911 trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/01/2023 đến ngày 13/03/2023).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 503.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Đức D phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ từ việc mua vật liệu xây dựng là 518.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ tháng 11/2020 cho đến ngày khởi kiện là 62.867.911 đồng trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Vĩnh N có hộ khẩu thường trú tại thôn 8, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để yêu cầu ông N phải trả lại số tiền nợ từ việc mua vật liệu xây dựng và lãi suất chậm trả. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Vĩnh N, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông N vẫn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất nội dung từ tháng 10 đến đầu tháng 11/2020, ông Nguyễn Vĩnh N có mua vật liệu xây dựng của ông Nguyễn Đức D với số tiền còn nợ là 503.518.000 đồng. Nay ông D khởi kiện ông N yêu cầu ông N phải trả số tiền này và tiền lãi suất chậm trả là 62.867.911 đồng thì ông N đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án ông N đã trả được cho ông D tổng số tiền nợ gốc là 503.000.000 đồng nên tại phiên tòa phía nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 503.000.000 đồng ông N đã trả. Do đó, căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự cần đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông D đối với số tiền này và buộc ông N tiếp tục trả cho ông D số tiền nợ gốc 518.000 đồng chưa trả và tiền lãi chậm trả từ tháng 11/2020 cho đến ngày khởi kiện với mức lãi suất 0,83%/tháng là 62.867.911 đồng, tổng là 63.385.911 đồng.

[4] Về thời hạn trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án, ông N xin được trả dần số tiền còn nợ cho ông D trong thời hạn 02 tháng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông D đồng ý cho ông N trả dần số tiền gốc và lãi còn lại là 63.385.911 đồng trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/01/2023). Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức D không phải chịu, hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.070.360 đồng theo biên lai thu số 0000318 ngày 02/3/2022 và số tiền 1.571.700 đồng theo biên lai thu tiền số 0000326 ngày 09/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Ông Nguyễn Vĩnh N phải chịu 3.169.000 đồng.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa là căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 430, 431, 433, 440, 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D đối với số tiền 503.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D.

Buộc ông Nguyễn Vĩnh N phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức D số tiền 518.000 đồng (*Năm trăm mười tám nghìn đồng*) và tiền lãi chậm trả là 62.867.911 đồng (*Sáu mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm mười một đồng*), tổng cộng là 63.385.911 đồng (*Sáu mươi ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm mười một đồng*) trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 13/01/2023 cho đến ngày 13/03/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

*Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức D không phải chịu, hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.070.360 đồng (*Mười hai triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm sáu mươi đồng*) theo biên lai thu số 0000318 ngày 02/3/2022 và số tiền 1.571.700 đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000326 ngày 09/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.*

Ông Nguyễn Vĩnh N phải chịu 3.169.000 đồng (*Ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- THA huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào